

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Số: 01/2018/QĐ-TBPS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tiền Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
TUYÊN BỐ PHÁ SẢN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Tổ Thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản:

- Ông Trần Văn Đạt – Tổ trưởng;
- Ông Huỳnh Hiếu – Thẩm phán;
- Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng – Thẩm phán.

Căn cứ vào các Điều 9, 16, 22, 23, 53, 54, 55, khoản 1 Điều 107, Điều 108, khoản 2 Điều 110, Điều 111 và Điều 114 của Luật Phá sản năm 2014;

Căn cứ Quyết định mở thủ tục phá sản số 01/2018/QĐ-MTTPS ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, theo đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn S; Địa chỉ trụ sở: ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Minh V – Chức vụ: Giám đốc;

Căn cứ Văn bản chỉ định quản tài viên số 02/2018/QĐ-CDQTV ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc chỉ định Công ty hợp danh quản lý và thanh lý tài sản H; Địa chỉ trụ sở: đường N, phường Đ, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Đỗ Phi T – Quản tài viên; Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên số 53/2015/BTP cấp ngày 23/6/2015 là Quản tài viên làm nhiệm vụ quản lý, thanh lý tài sản đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn S;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thủ tục phá sản của Tổ quản lý, thanh lý tài sản và Quản tài viên;

Căn cứ Nghị quyết hội nghị chủ nợ ngày 06 tháng 9 năm 2018;

Xét thấy, Công ty trách nhiệm hữu hạn S lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán; tại hội nghị chủ nợ các chủ nợ thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tuyên bố Công ty trách nhiệm hữu hạn S bị phá sản; Địa chỉ trụ sở: ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Tên viết tắt S CO., LTD theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Mã số doanh nghiệp: 1200579795; Đăng ký lần đầu: Ngày 18/05/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 16/9/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Điều 2: Chấm dứt hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn S;

1. Các khoản nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn S với các chủ nợ chấm dứt thực hiện nghĩa vụ tính lãi kể từ ngày 03 tháng 10 năm 2018.

2. Chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn S và người lao động, giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

3. Chấm dứt quyền hạn của người đại diện theo pháp luật đối với ông Cao Minh V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên từ ngày 03 tháng 10 năm 2018.

4. Thu hồi con dấu, chứng từ, tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn S và xóa tên doanh nghiệp theo qui định của Luật Phá sản, Luật Doanh nghiệp và qui định pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thu hồi, thanh lý tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn S gồm tài sản bảo đảm và tài sản không bảo đảm bao gồm:

1. Thu từ bán tài sản thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và Ngân hàng thương mại cổ phần P (kể cả tài sản thế chấp của bên thứ ba để bảo lãnh vay vốn của Công ty trách nhiệm hữu hạn S).

(Có danh mục tài sản đính kèm)

Riêng đối với quyền sử dụng đất thuê đang thế chấp thì chỉ thu hồi tài sản có trên đất, không thu hồi giá trị đất.

2. Tiếp tục thu hồi, thanh lý tài sản không bảo đảm đang tranh chấp với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ G khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong theo thủ tục tố tụng dân sự .

3. Tiếp tục thu hồi, thanh lý tài sản không bảo đảm của Công ty trách nhiệm hữu hạn S tại Công ty cổ phần B và Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

4. Tiếp tục thu hồi tiền hoàn thuế của Cục thuế tỉnh T khi Cục thuế tỉnh T quyết toán thuế và đối trừ với nghĩa vụ thuế Công ty trách nhiệm hữu hạn S hiện còn nợ Cục thuế tỉnh T là 176.603.439 đồng (nếu tiền hoàn thuế còn thừa).

Điều 4: Phương án phân chia tài sản được thực hiện theo qui định tại Điều 54 của Luật phá sản:

Số tiền thu được từ Điều 3 của quyết định này được phân chia theo thứ tự như sau:

1. Chi phí phá sản: Bao gồm chi phí Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và chi phí khác được thực hiện theo qui định tại Điều 21 của Nghị định 22/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. Mức thù lao thực hiện theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 21 của Nghị Định 22/2015/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ .

- Chi phí đã chi gồm: Chi phí gửi thư chuyển Fax nhanh Hóa đơn số 0000747 ngày 31/5/2018, với số tiền là: 36.300 đồng (*Ba mươi sáu ngàn ba trăm đồng*); Chi phí gửi thư chuyển Fax nhanh Hóa đơn số 0000008 ngày 30/6/2018, với số tiền là: 784.272 đồng (*Bảy trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm bảy mươi hai đồng*); Chi phí gửi thư chuyển Fax nhanh Hóa đơn số 0000022 ngày 31/7/2018, với số tiền là: 16.500 đồng (*Mười sáu ngàn năm trăm đồng*). Tổng cộng: **837.072 đồng (Tám trăm ba mươi bảy ngàn không trăm bảy mươi hai đồng)**. Được khấu trừ vào số

tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) do Công ty hợp danh quản lý và thanh lý tài sản H tạm ứng, số tiền còn lại được tiếp tục dùng cho chi phí phá sản doanh nghiệp .

- Chuyển khoản toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) do Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã tạm nộp vào tài khoản tiền gửi số **71110000184331** (của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang) sang tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang để tiếp tục thực hiện cho chi phí phá sản.

2. Chi trả nợ lương, trợ cấp thôi việc, Bảo hiểm xã hội cho người lao động:
Không có

3. Chi trả nợ cho các chủ nợ có bảo đảm gồm:

Đơn vị tính : Đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CHỦ NỢ	SỐ TIỀN		Tổng cộng
		GỐC	LÃI	
<u>NỢ CÓ BẢO ĐẢM</u>		<u>221,386,200,000</u>	<u>35,297,306,305</u>	<u>256,683,506,305</u>
1	Ngân Hàng TMCP Đ	219,998,000,000	35,221,183,899	255,219,183,899
2	Ngân Hàng TMCP P	1,388,200,000	76,122,406	1,464,322,406

4. Chi trả nợ cho các chủ nợ không có bảo đảm bao gồm:

NỢ KHÔNG CÓ BẢO ĐẢM :

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên chủ nợ	Số tiền gốc	Số tiền lãi	Tổng cộng
1	Cục thuế tỉnh T	163,055,167	13,548,272	176,603,439
2	Công ty TMS – TNHH MỘT THÀNH VIÊN	6,992,000,000		6,992,000,000
3	Công ty CPĐT Vinh Phát	1,155,200,000		1,155,200,000
4	Công ty TNHH Lương thực N	5,508,000,000	847,962,000	6,355,962,000
5	Công ty CPKD Nông sản K	1,061,214,942		1,061,214,942
6	Công ty TNHH XNK P	38,878,000,000		38,878,000,000
7	Công ty TNHH T	2,829,060,000		2,829,060,000
8	Công ty CP Điện cơ tự động U	1,426,000,000		1,426,000,000
9	Công ty TNHH ĐTTM A	500,000,000		500,000,000

10	Nguyễn Hoài C	6,090,000,000		6,090,000,000
11	Trần Văn V	752,490,000	86,167,000	838,657,000
12	Trần Văn P	593,572,000		593,572,000
13	Huỳnh Mỹ P	16,784,912,500		16,784,912,500
14	Lưu Thị Kim L	1,870,400,000		1,870,400,000
15	DNTN Thanh H	265,220,000		265,220,000
	TỔNG CỘNG	84,869,124,609	947,677,272	85,816,801,881

Đối với số tiền của Cục thuế tỉnh T thì sau khi Cục Thuế quyết toán thuế với Công ty trách nhiệm hữu hạn S xong thì được đối trừ giữa tiền hoàn thuế do Công ty trách nhiệm hữu hạn S được hoàn và số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn S còn nợ thuế. Nếu chênh lệch thiếu thì Công ty trách nhiệm hữu hạn S tiếp tục trả nợ. Nếu chênh lệch thừa thì số tiền thừa sẽ được nhập vào tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn S để tiếp tục thanh toán cho các chủ nợ không có bảo đảm.

5. Nếu giá trị tài sản không đủ để thanh toán hết các khoản nợ theo qui định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 của Điều này thì từng đối tượng cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỉ lệ phần trăm tương ứng với số nợ.

Điều 6: Nghĩa vụ về tài sản phát sinh sau khi có Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp này được giải quyết theo qui định của pháp luật về thi hành án dân sự và qui định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7: Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp được thi hành theo qui định pháp luật phá sản, pháp luật về thi hành án dân sự và qui định khác của pháp luật liên quan. Quản tài viên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo qui định của pháp luật.

Điều 8: Lệ phí phá sản: Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) lệ phí phá sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí do Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã nộp theo biên lai thu số 00494 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong

Điều 9: Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản có hiệu lực thi hành kể từ ngày ra quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc được thông báo hợp lệ, Công ty trách nhiệm hữu hạn S; Các chủ nợ; Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang; Cục thuế tỉnh T; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang có quyền đề nghị xem xét lại; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang có quyền kháng nghị quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang ;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Sở KH&ĐT tỉnh Tiền Giang;
- Cục thuế tỉnh T;
- Công ty TNHH Song Thuận;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- Các chủ nợ;
- Đăng báo Ấp Bắc;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Cổng thông tin ĐKDN quốc gia;
- Lưu: Hồ sơ phá sản, Tòa Kinh tế.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TM.TỔ THẨM PHÁN
TỔ TRƯỞNG

Trần Văn Đạt